

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI TÀI SẢN CÔNG NĂM 2025**

Hôm nay, vào lúc 16 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 01 năm 2026. Tại Trường Cao đẳng Công nghiệp, Thương mại và Du lịch chúng tôi gồm có.

**I. Thành phần tham gia:**

- |                         |   |
|-------------------------|---|
| 1 Ông: Nguyễn Đức Trung | Chức vụ: Hiệu trưởng                        |
| 2 Ông: Nguyễn Văn Thắng | Chức vụ: phụ trách phòng QTCSVC&TB (Thư ký) |
| 3 Bà: Trần Thị Thu Hiền | Chức vụ: phụ trách phòng TCKT               |
| 4 Ông: Trịnh Đức Thắng  | Chức vụ: phụ trách phòng TTKT&ĐBCL          |

**NỘI DUNG**

Tiến hành niêm yết công khai tài sản công năm 2025.

Thời gian niêm yết bắt đầu vào lúc 16h30 phút, ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại bảng tin văn phòng và trên trang Website của Nhà trường.

Thời gian niêm yết 30 ngày, từ ngày 20 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 19 tháng 02 năm 2026.

Biên bản này được lập thành 02 bản Trường Cao đẳng Công nghiệp, Thương mại và Du lịch lưu giữ/



Hiệu trưởng

**TS. Nguyễn Đức Trung**

Phòng TTKT&ĐBCL

**Trịnh Đức Thắng**

Người niêm yết

**Trần Thị Thu Hiền**

Thư ký

**Nguyễn Văn Thắng**

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai tài sản công năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG**  
**TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công

Căn cứ Quyết định số 3716/QĐ - BCT ngày 23/12/2025 của Bộ Công Thương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Công nghiệp, Thương mại và Du lịch;;

Theo đề nghị của phụ trách phòng Quản trị Cơ sở vật chất và thiết bị.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Công khai tài sản công năm 2025 (Có biểu kèm theo)

Hình thức công khai: Niêm yết ở bảng tin và đăng tải lên Website của trường.

Thời gian công khai: Từ ngày 20 tháng 01 năm 2026 đến ngày 19 tháng 02 năm 2026.

**Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Quản trị Cơ sở vật chất và thiết bị, Phòng Tài chính - Kế toán và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu VT, QTCSVC&TB.



**TS. Nguyễn Đức Trung**

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC**

**Năm 2025**

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng						
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
<b>I</b>	<b>Xe ô tô</b>													
1	Xe ô tô con 07 chỗ FORDEVEREST		1	1	833.400.000		83.173.320							
2	Xe ô tô 7 chỗ BKS 31A -8066				850.041.962									
3	Ô tô Camry 5 chỗ 20M - 0506				539.535.000									
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>													
1	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng máy	1	1	12.501.148		0							
2	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng máy	1	1	12.501.148		0							
3	Máy vi tính để bàn Dell Vostio 3650	Phòng máy	1	1	14.949.000		0							
4	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng máy	1	1	12.501.148		0							
5	Máy vi tính để bàn thương hiệu Việt Nam	Phòng máy	1	1	13.585.000		0							
6	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng máy	1	1	12.501.148		0							
7	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng máy	1	1	12.501.148		0							
8	Máy vi tính để bàn Dell Vostio 3650	Phòng máy	1	1	14.949.000		0							
9	Máy tính để bàn cấu hình 1	Phòng máy	1	1	12.501.148		0							
10	Máy vi tính để bàn thương hiệu Việt Nam	Phòng máy	1	1	13.585.000		0							









































STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng						
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
385	Xà lệch di động điều chỉnh chiều cao - S81023	Khoa KHCB			12.565.000		0							
386	Máy phát điện 150 KVA mua năm 2011	Khoa KHCB			539.850.000		0							
387	Máy móc thiết bị xăng dầu dạy học	Phòng TH bếp			175.985.000		0							
388	Quạt hút khí ly tâm mua năm 2017	Phòng TH bếp			28.750.000		0							
389	Quạt hút khói ly tâm	Phòng TH buồng			28.750.000		0							
390	Thiết bị phòng cháy chữa cháy mua năm 2010 nhà học A1	Phòng TH bếp			25.350.000		0							
391	Trụ bóng rổ di động - S14629	Khoa KHCB			11.875.000		0							
392	Trụ bóng rổ di động - S14629	Khoa KHCB			11.875.000		0							
393	Công trình cải tạo lưới điện nội bộ năm 2010	Phòng QTĐS			414.076.000		0							
394	Thiết bị tăng cường cơ sở vật chất năm 2010	Phòng QTĐS			699.981.000		0							
395	Bàn cung cấp nguồn thí nghiệm	KĐ - P308, 309			77.100.000		0							
396	Bàn cung cấp nguồn thí nghiệm 01	KĐ - P308, 309			12.850.000		0							
397	Bàn cung cấp nguồn thí nghiệm 02	KĐ - P308, 309			12.850.000		0							
398	Bàn cung cấp nguồn thí nghiệm 03	KĐ - P308, 309			12.850.000		0							
399	Bàn cung cấp nguồn thí nghiệm 04	KĐ P104			12.850.000		0							
400	Bàn cung cấp nguồn thí nghiệm 05	KĐ GĐA - P104			12.850.000		0							





































































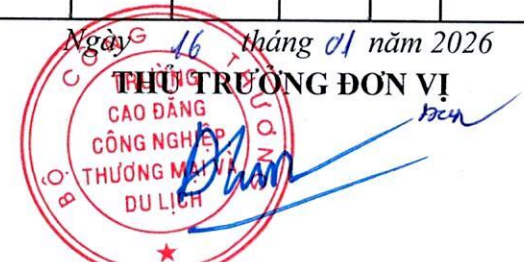


STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Tổng cộng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (đồng)			Mục đích sử dụng							
					Hoạt động sự nghiệp		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác	
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác									
1019	Phần mềm ứng dụng quản lý khách sạn phục vụ đào tạo	Khoa KSDL			495.000.000		0								
1020	Phần mềm quản lý đào tạo mua năm 2012	Phòng ĐTKH			497.900.000		124.475.000								
1021	Phần mềm quản lý bán hàng (2021)	Khoa QTKD			252.000.000		0								
1022	Phần mềm quản lý mã vạch (2021)	Khoa QTKD			32.000.000		0								
1023	Phần mềm website của Trường	Phòng ĐTKH			91.500.000		9.150.000								
1024	Phần mềm thiết kế mạch	Khoa may			246.677.254		49.335.450								
					63.417.339.203										

Người lập biểu



Đỗ Tuyên Thái

Ngày 16 tháng 01 năm 2026  
**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
 PHÒNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THƯƠNG MẠI DU LỊCH  
  
 TS. Nguyễn Đức Trung







ST T	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà								Ghi chú			
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kê toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kê toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))								
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Sử dụng khác	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê		Liên doanh , liên kết	Sử dụng hỗn hợp	Sử dụng khác
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh , liên kết													
9	Nhà lớp học 3 tầng A1	1265	7.251.263						1996	3795	7.251.263	0									
10	Nhà khách khép kín	96	289.787						1996	96	289.787	0									
11	Nhà vệ sinh khép kín	50	70.098						2005	50	70.098	0									
12	Nhà để xe máy, xe đạp (công bảo vệ)	630	489.660						2005	630	489.660	0									
13	Cổng và trực bảo vệ		977.357						1996		977.357	0									
	<b>Cộng</b>		<b>655.522.405</b>								<b>655.522.405</b>	<b>547.500.071</b>									

Người lập biểu



**Đỗ Tuyên Thái**

Ngày 16 tháng 01 năm 2026



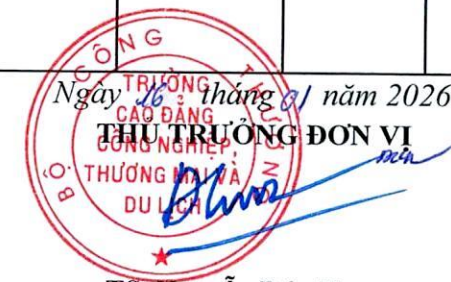
**TS. Nguyễn Đức Trung**

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG Năm 2025**

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
<b>I</b>	<b>Tài sản cố định khác</b>						363.511						
1	- Máy điều hòa Funikin HSC 18TMU	Bộ	2	Funikin HSC 18TMU	Việt Nam	2025	25.000	Chỉ định thầu	PHẠM HỒNG HẢI				
2	- Tivi samsung smart 65 inch	Cái	3	Sam sung	Việt Nam	2025	42.900	Chỉ định thầu	Trung tâm máy văn phòng Thái Nguyên				
3	- Màn hình LED P2.5	Bộ	1	Hobled;	Trung Quốc	2025	100.122	Chỉ định thầu	Công ty TNHH truyền thông LED Way Việt nam				
4	- Màn hình LED P4	Bộ	1	Hobled;	Trung Quốc	2025	198.489	Chỉ định thầu	Công ty TNHH truyền thông LED Way Việt nam				

Người lập biểu

Đỗ Tuyên Thái



TS. Nguyễn Đức Trung